

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDGD ngày 16/3/2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum)

Tên chương trình đào tạo: Tiếng Anh bậc A1 (English A1)

Đối tượng tuyển sinh, yêu cầu đầu vào: Học sinh bậc Tiểu học, bắt đầu học Tiếng Anh trong các trường Tiểu học.

Thời gian đào tạo: 270 giờ.

A. MÔ TẢ VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Khóa học ôn tập cho học sinh Tiểu học những kiến thức ban đầu: Từ vựng theo chủ đề, các cấu trúc ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh; các quy tắc về phát âm, những bài hội thoại ngắn, gần gũi với độ tuổi học sinh Tiểu học. Người học có khả năng vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm để cải thiện các kỹ năng giao tiếp chủ yếu đọc và viết. Phát huy năng lực tự chủ và trách nhiệm giúp các em có ý thức tự giác trong học tập và nghiên cứu; có phương pháp học tập tích cực và trau dồi kiến thức Tiếng Anh để luyện thi vào các trường trung học phổ thông đạt hiệu quả.

B. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Sau khi học xong chương trình, người học có khả năng:

I. Về kiến thức

1. Liệt kê các từ vựng, câu và cấu trúc thông dụng được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như đồ dùng học tập, đồ chơi, các bộ phận cơ thể, quần áo, thức ăn...)
2. Phân biệt các điểm ngữ pháp thường gặp trong bài thi.

II. Về kỹ năng

1. Sử dụng các câu hoặc các cấu trúc, từ vựng để miêu tả theo cách đơn giản về các chủ đề trong bài học.
2. Nghe hiểu các từ vựng quen thuộc có liên quan đến các chủ đề quen thuộc, hiểu ý chính các mệnh lệnh, các thông điệp đơn giản và rõ ràng.
3. Giao tiếp trong các tình huống đơn giản và quen thuộc, phát âm rõ ràng và dễ hiểu, đạt hiệu quả giao tiếp.

III. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Có ý thức trong học tập, có năng lực tự học và tự tin trong giao tiếp.
2. Nghiêm túc, sáng tạo, chịu khó học hỏi.
3. Có phương pháp học tập tích cực và trau dồi kiến thức.
4. Ý thức được tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực Tiếng Anh toàn diện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

C. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 270 giờ, trong đó:

I. Lý thuyết: 90 giờ.

II. Thực hành, thực tập: 180 giờ.

D. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập
I	MODULE 1: FAMILY AND FRIENDS 1	90	30	60
1	Unit 1: School things (1) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
2	Unit 2: Playtime! (1) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
3	Unit 3: This is my nose! (1) 1. Reading 2. Listening	6	2	4

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập
	3. Speaking 4. Writing			
4	Unit 4: He's a hero! (1) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
5	Unit 5: Where's the ball? (1) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
6	Unit 6: Billy's teddy! (1) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
7	Unit 7: Are these his trousers? (1) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
8	Unit 8: Where's Grandma? (1) 1. Reading	6	2	4

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập
	2. Listening 3. Speaking 4. Writing			
9	Unit 9: Lunchtime! (1) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
10	Unit 10: A new friend! (1) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
11	Unit 11: I like monkeys! (1) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
12	Unit 12: Dinnertime! (1) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
13	Unit 13: Tidy up! (1)	6	2	4

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập
	1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing			
14	Unit 14: Action Boy can run! (1) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
15	Unit 15: Let's play ball! (1) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
II	MODULE 2: FAMILY AND FRIENDS 2	90	30	60
1	Unit 1: Our new things (2) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
2	Unit 2: They are happy now! (2) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking	6	2	4

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập
	4. Writing			
3	Unit 3: I can ride a bike (2) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
4	Unit 4. Have you got a milkshake! (2) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
5	Unit 5: We've got English? (2) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
6	Unit 6: Let's play after school! (2) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
7	Unit 7: Let's buy presents! (2) 1. Reading 2. Listening	6	2	4

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập
	3. Speaking 4. Writing			
8	Unit 8: What's the time? (2) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
9	Unit 9: Where does she work? (2) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
10	Unit 10: It's hot today! (2) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
11	Unit 11: What are you wearing? (2) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
12	Unit 12: You are sleeping! (2) 1. Reading	6	2	4

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập
	2. Listening 3. Speaking 4. Writing			
13	Unit 13: Look at all the animal ! (2) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
1	Unit 14: Look at the photo! (2) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
1	Unit 15: Well done! (2) 1. Reading 2. Listening 3. Speaking 4. Writing	6	2	4
III	MODULE 3: FAMILY AND FRIENDS 3	90	30	60
1	Unit 1: They're from Australia (3) 1. Grammar 2. Phonics 3. Skills	6	2	4
2	Unit 2: My weekend (3)	6	2	4

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập
	1. Grammar 2. Phonics 3. Skills			
3	Unit 3: My things (3) 1. Grammar 2. Phonics 3. Skills	6	2	4
4	Unit 4: We are having fun at the beach! (3) 1. Grammar 2. Phonics 3. Skills	6	2	4
5	Unit 5: A naughty monkey! (3) 1. Grammar 2. Phonics 3. Skills	6	2	4
6	Unit 6: Jim's day (3) 1. Grammar 2. Phonics 3. Skills	6	2	4
7	Unit 7: Places to go! (3) 1. Grammar 2. Phonics 3. Skills	6	2	4
8	Unit 8: I'd like a melon! (3)	6	2	4

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập
	1. Grammar 2. Phonics 3. Skills			
9	Unit 9: The fastest animals in the world (3) 1. Grammar 2. Phonics 3. Skills	6	2	4
10	Unit 10: In the park! (3) 1. Grammar 2. Phonics 3. Skills	6	2	4
11	Unit 11: In the museum (3) 1. Grammar 2. Phonics 3. Skills	6	2	4
12	Unit 12: A clever baby! (3) 1. Grammar 2. Phonics 3. Skills	6	2	4
13	Unit 13: The Ancient Egyptians (3) 1. Grammar 2. Phonics 3. Skills	6	2	4
14	Unit 14: Did you have a good day? (3)	6	2	4

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập
	1. Grammar 2. Phonics 3. Skills			
15	Unit 15: Our holiday! (3) 1. Grammar 2. Phonics 3. Skills	6	2	4
Tổng cộng:		270	90	180

E. CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

MODULE 1

UNIT 1: SCHOOL THINGS

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê từ vựng về đồ dùng học tập, nhận diện câu hỏi *What's this?*
2. Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và đáp về các đồ dùng học tập.
3. Tích cực hoạt động theo cặp, nhóm, tổ chức thảo luận tại lớp.

II. NỘI DUNG

1. Reading
2. Listening
3. Speaking
4. Writing

UNIT 2: PLAYTIME!

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê từ vựng về một số đồ chơi.

2. Sử dụng kiến thức đã học để nói về sở thích.
3. Tích cực hợp tác trong học tập, có ý thức vận dụng các kiến thức đã học để tự nâng cao trình độ bản thân và làm việc hiệu quả.

II. NỘI DUNG

- 1. Reading**
- 2. Listening**
- 3. Speaking**
- 4. Writing**

UNIT 3: THIS IS MY NOSE!

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê từ vựng về các bộ phận trên cơ thể, phân biệt cấu trúc “There is/There are”.
2. Ứng dụng kiến thức đã học để miêu tả về các bộ phận trên cơ thể.
3. Tích cực học hỏi, sáng tạo, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. NỘI DUNG

- 1. Reading**
- 2. Listening**
- 3. Speaking**
- 4. Writing**

UNIT 4: HE’S A HERO!

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê từ vựng về nghề nghiệp, nhận diện cấu trúc của câu hỏi *yes/no question*.
2. Sử dụng kiến thức đã học để miêu tả về nghề nghiệp.
3. Có ý thức rèn luyện khả năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm về bài làm của mình.

II. NỘI DUNG

- 1. Reading**
- 2. Listening**

3. Speaking**4. Writing****UNIT 5: WHERE'S THE BALL?****(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê từ vựng về các vật dụng trong công viên, nhận diện được câu hỏi *where's...?* và các giới từ *in/on/under*.
2. Miêu tả về vị trí của các đồ vật trong công viên.
3. Có ý thức rèn luyện khả năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm về bài làm của mình.

II. NỘI DUNG**1. Reading****2. Listening****3. Speaking****4. Writing****UNIT 6: BILLY'S TEDDY!****(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê từ vựng về gia đình, nhận diện Possessive's.
2. Sử dụng kiến thức đã học để nói về mối quan hệ trong gia đình.
3. Có ý thức khi làm việc nhóm, nghiêm túc, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm với các thành viên khi làm việc nhóm.

II. NỘI DUNG**1. Reading****2. Listening****3. Speaking****4. Writing****UNIT 7: ARE THESE HIS TROUSERS!****(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Nhắc lại từ vựng về chủ đề quần áo, diễn đạt câu hỏi *Yes/No question*.
2. Vận dụng kiến thức đã học để nói về chủ đề quần áo.
3. Có thái độ học tập đúng đắn, tuân thủ nội quy trường học.

II. NỘI DUNG

1. Reading
2. Listening
3. Speaking
4. Writing

UNIT 8: WHERE'S GRANDMA?

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê từ vựng về các căn phòng trong một ngôi nhà.
2. Sử dụng kiến thức đã học để nói về ngôi nhà của mình.
3. Có ý thức rèn luyện khả năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm về bài làm của mình.

II. NỘI DUNG

1. Reading
2. Listening
3. Speaking
4. Writing

UNIT 9: LUNCHTIME!

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê từ vựng chủ đề đồ ăn và trái cây; nhận diện và sử dụng cấu trúc *have got/ a/an*.
2. Thực hành kiến thức đã học để nói về chủ đề trong bài học.
3. Tích cực học hỏi, sáng tạo, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. NỘI DUNG

1. Reading
2. Listening

3. Speaking**4. Writing****UNIT 10: A NEW FRIEND!****(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê từ vựng mô tả về ngoại hình, hình khối.
2. Sử dụng kiến thức đã học để đưa ra lời mô tả về một người bạn.
3. Tích cực hợp tác trong học tập, có ý thức vận dụng các kiến thức đã học để tự nâng cao trình độ bản thân và làm việc hiệu quả.

II. NỘI DUNG**1. Reading****2. Listening****3. Speaking****4. Writing****UNIT 11: I LIKE MONKEY!****(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê từ vựng về chủ đề động vật.
2. Sử dụng kiến thức đã học để mô tả về động vật.
3. Có ý thức khi làm việc nhóm, nghiêm túc, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm với các thành viên khi làm việc nhóm.

II. NỘI DUNG**1. Reading****2. Listening****3. Speaking****4. Writing****UNIT 12: DINNERTIME!****(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê từ vựng về đồ ăn và thức uống.

2. Sử dụng kiến thức đã học để hỏi đáp về đồ ăn và thức uống.
3. Thường xuyên tự nghiên cứu tài liệu, làm việc độc lập, có ý thức học hỏi, trau dồi kiến thức ngôn ngữ, hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

II. NỘI DUNG

- 1. Reading**
- 2. Listening**
- 3. Speaking**
- 4. Writing**

UNIT 13: TIDY UP!

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê từ vựng về các đồ dùng trong phòng ngủ, số đếm từ 1-20 , nhận diện cấu trúc *There is...*, *There are...*
2. Sử dụng kiến thức đã học để mô tả về phòng ngủ.
3. Có ý thức khi làm việc nhóm, nghiêm túc, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm với các thành viên khi làm việc nhóm.

II. NỘI DUNG

- 1. Reading**
- 2. Listening**
- 3. Speaking**
- 4. Writing**

UNIT 14: ACTION BOY CAN RUN!

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê từ vựng về một số động từ thường gặp, diễn đạt câu hỏi *Can*.
2. Sử dụng kiến thức đã học để thực hành hỏi đáp.
3. Có ý thức khi làm việc nhóm, làm việc độc lập, trau dồi kiến thức ngôn ngữ, hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

II. NỘI DUNG

- 1. Reading**
- 2. Listening**

3. Speaking**4. Writing****UNIT 15: LET'S PLAY BALL!****(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê từ vựng về chủ đề biển, nhận diện cấu trúc của *Let's+verb*.
2. Sử dụng kiến thức đã học để nói về chủ đề biển.
3. Thường xuyên tự nghiên cứu tài liệu, làm việc độc lập, có ý thức học hỏi, trau dồi kiến thức ngôn ngữ, hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

II. NỘI DUNG**1. Reading****2. Listening****3. Speaking****4. Writing****MODULE 2****UNIT 1: OUR NEW THINGS****(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê từ vựng về đồ dùng học tập, nhận diện điểm ngữ pháp *this / that is..., These / those are...*
2. Sử dụng kiến thức đã học để nói về các đồ dùng học tập.
3. Tích cực hoạt động theo cặp, nhóm, tổ chức thảo luận tại lớp.

II. NỘI DUNG**1. Reading****2. Listening****3. Speaking****4. Writing****UNIT 2: THEY ARE HAPPY NOW!****(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê từ vựng mô tả về cảm xúc.
2. Sử dụng kiến thức đã học để nói về cảm xúc.
3. Tích cực hợp tác trong học tập, có ý thức vận dụng các kiến thức đã học để tự nâng cao trình độ bản thân và làm việc hiệu quả.

II. NỘI DUNG

1. Reading
2. Listening
3. Speaking
4. Writing

UNIT 3: I CAN RIDE A BIKE!

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê từ vựng về các hoạt động ngoài trời, nhận biết cách sử dụng *can*, *can't*.
2. Sử dụng kiến thức đã học để miêu tả về các hoạt động ngoài trời.
3. Tích cực học hỏi, sáng tạo, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. NỘI DUNG

1. Reading
2. Listening
3. Speaking
4. Writing

UNIT 4: HAVE YOU GOT A MILKSHAKE?

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê từ vựng về thức ăn, số đếm từ 20-100, nhận diện cấu trúc của câu hỏi *have you got...?/ has he got...?*
2. Sử dụng kiến thức đã học để miêu tả về thức ăn.
3. Có ý thức rèn luyện khả năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm về bài làm của mình.

II. NỘI DUNG

1. Reading

2. **Listening**
3. **Speaking**
4. **Writing**

UNIT 5: WE'VE GOT ENGLISH?

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê từ vựng về các môn học, phòng học, nhận diện được câu hỏi:
What/ When have we got...?
2. Sử dụng kiến thức đã học để miêu tả về các môn học.
3. Có ý thức rèn luyện khả năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm về bài làm của mình.

II. NỘI DUNG

1. **Reading**
2. **Listening**
3. **Speaking**
4. **Writing**

UNIT 6: LET'S PLAY AFTER SCHOOL!

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê từ vựng về các hoạt động sau giờ học.
2. Sử dụng kiến thức đã học để nói về các hoạt động sau giờ học.
3. Có ý thức khi làm việc nhóm, nghiêm túc, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm với các thành viên khi làm việc nhóm.

II. NỘI DUNG

1. **Reading**
2. **Listening**
3. **Speaking**
4. **Writing**

UNIT 7: LET'S BUY PRESENT!

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Nhận diện từ vựng về chủ đề những ngày đặc biệt, diễn đạt câu hỏi *What does he like?*
2. Sử dụng kiến thức đã học để nói về chủ những ngày đặc biệt.
3. Có thái độ học tập đúng đắn, tuân thủ nội quy trường học.

II. NỘI DUNG

1. Reading
2. Listening
3. Speaking
4. Writing

UNIT 8: WHAT'S THE TIME?**(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê từ vựng về các hoạt động trong ngày, thời gian, diễn đạt câu hỏi *What's the time?*
2. Sử dụng kiến thức đã học để nói về các hoạt động trong ngày.
3. Có ý thức rèn luyện khả năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm về bài làm của mình.

II. NỘI DUNG

1. Reading
2. Listening
3. Speaking
4. Writing

UNIT 9: WHERE DOES SHE WORK?**(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê từ vựng về các địa điểm.
2. Sử dụng kiến thức đã học để nói về chủ đề trong bài học.
3. Tích cực học hỏi, sáng tạo, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. NỘI DUNG

1. Reading
2. Listening
3. Speaking
4. Writing

UNIT 10: IT'S HOT TODAY!

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê từ vựng mô tả về thời tiết, nhận diện được câu hỏi: *What's the weather like?*
2. Sử dụng kiến thức đã học để hỏi đáp về thời tiết.
3. Tích cực hợp tác trong học tập, có ý thức vận dụng các kiến thức đã học để tự nâng cao trình độ bản thân và làm việc hiệu quả.

II. NỘI DUNG

1. Reading
2. Listening
3. Speaking
4. Writing

UNIT 11: WHAT ARE YOU WEARING?

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê từ vựng về chủ đề quần áo, nhận diện thì hiện tại tiếp diễn.
2. Sử dụng kiến thức đã học, dùng thì hiện tại tiếp diễn để thực hành hỏi đáp.
3. Có ý thức khi làm việc nhóm, nghiêm túc, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm với các thành viên khi làm việc nhóm.

II. NỘI DUNG

1. Reading
2. Listening
3. Speaking
4. Writing

UNIT 12: YOU ARE SLEEPING!

(Thời gian: 6 giờ)**I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê từ vựng về các hoạt động trong một ngày lễ, thi hiện tại tiếp diễn.
2. Sử dụng kiến thức đã học để nói về các hoạt động trong một ngày lễ.
3. Thường xuyên tự nghiên cứu tài liệu, làm việc độc lập, có ý thức học hỏi, trau dồi kiến thức ngôn ngữ, hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

II. NỘI DUNG

1. Reading
2. Listening
3. Speaking
4. Writing

UNIT 13: LOOK AT ALL THE ANIMAL!**(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê từ vựng về động vật, nhận diện cấu trúc so sánh.
2. Sử dụng kiến thức đã học để mô tả về động vật.
3. Có ý thức khi làm việc nhóm, nghiêm túc, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm với các thành viên khi làm việc nhóm.

II. NỘI DUNG

1. Reading
2. Listening
3. Speaking
4. Writing

UNIT 14: LOOK AT THE PHOTO!**(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê từ vựng về một số kỷ niệm, thì quá khứ đơn.
2. Sử dụng kiến thức đã học để nói về một số kỷ niệm.
3. Có ý thức khi làm việc nhóm, làm việc độc lập, trau dồi kiến thức ngôn ngữ, hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

II. NỘI DUNG

1. Reading
2. Listening
3. Speaking
4. Writing

UNIT 15: WELL DONE!

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê từ vựng về người, số thứ tự, mẫu câu thì quá khứ đơn.
2. Sử dụng kiến thức đã học để nói về chủ đề trong bài học.
3. Thường xuyên tự thực hành ở nhà và lớp học, làm việc độc lập, có ý thức học hỏi, trau dồi kiến thức ngôn ngữ, hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

II. NỘI DUNG

1. Reading
2. Listening
3. Speaking
4. Writing

MODULE 3

UNIT 1: THEY'RE FROM AUSTRALIA

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Sử dụng thành thạo động từ To be; các phụ âm liên kết: “*cr, dr, sp, sn, pl*” trong cách phát âm từ vựng.
2. Phát triển 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.
3. Nâng cao ý thức sử dụng tiếng Anh trong lớp học và giao tiếp hàng ngày.

II. NỘI DUNG

1. Grammar
2. Phonics
3. Skills

UNIT 2: MY WEEKEND

(Thời gian: 6 giờ)**I. MỤC TIÊU**

1. Mô tả được cấu trúc: *like + V-ing*; cách đọc từ vựng có âm “e”.
2. Sử dụng kiến thức đã học để nói về chủ đề ngày cuối tuần của tôi.
3. Có ý thức khi làm việc nhóm, nghiêm túc, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm với các thành viên khi làm việc nhóm.

II. NỘI DUNG**1. Grammar****2. Phonics****3. Skills****UNIT 3: MY THINGS****(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê tính từ sở hữu: *your, their, our*; cách đọc từ vựng chứa âm “ar”
2. Phát triển kỹ năng nghe, nói về chủ đề.
3. Tích cực học hỏi, sáng tạo, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. NỘI DUNG**1. Grammar****2. Phonics****3. Skills****UNIT 4: WE ARE HAVING FUN AT THE BEACH!****(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Phân biệt thành thạo thì hiện tại tiếp diễn thể khẳng định và phủ định; cách đọc từ vựng chứa âm “all”
2. Vận dụng kiến thức đã học để nói về chủ đề vui chơi ở bãi biển.
3. Thường xuyên tự thực hành ở nhà và lớp học, làm việc độc lập, có ý thức học hỏi, trau dồi kiến thức ngôn ngữ, hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

II. NỘI DUNG**1. Grammar**

2. Phonics**3. Skills****UNIT 5: A NAUGHTY MONKEY!****(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. So sánh được thì hiện tại tiếp diễn câu hỏi và câu trả lời ngắn; cách đọc từ vựng chứa âm “*or, aw*”
2. Phát triển kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết về chủ đề *animals*.
3. Nâng cao ý thức sử dụng tiếng Anh trong lớp học và giao tiếp hàng ngày.

II. NỘI DUNG**1. Grammar****2. Phonics****3. Skills****UNIT 6: JIM’S DAY****(Thời gian: 5 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Mô tả thì hiện tại đơn thể khẳng định và phủ định và nghi vấn; cách đọc từ vựng chứa âm “*oi, oy*”.
2. Tự tin nói về 1 ngày của bản thân
3. Tích cực học hỏi, sáng tạo, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. NỘI DUNG**1. Grammar****2. Phonics****3. Skills****UNIT 7: PLACES TO GO!****(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Mô tả thì hiện tại đơn; trạng từ chỉ tần suất; giới từ “*on, in at*”; cách đọc từ vựng chứa âm “*ow, ou*”.
2. Sử dụng kiến thức đã học để nói về chủ đề trong bài học.

3. Nâng cao ý thức sử dụng tiếng Anh trong lớp học và giao tiếp hàng ngày.

II. NỘI DUNG

1. Grammar

2. Phonics

3. Skills

UNIT 8: I'D LIKE A MELON!

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phân biệt danh từ đếm được và danh từ không đếm được với “*a, an, some*”; cách đọc từ vựng chứa âm cuối “*ld, lt*”.

2. Phát triển kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết về chủ đề ăn uống.

3. Thường xuyên tự thực hành ở nhà và lớp học, làm việc độc lập, có ý thức học hỏi, tra dồi kiến thức ngôn ngữ, hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

II. NỘI DUNG

1. Grammar

2. Phonics

3. Skills

UNIT 9: THE FASTEST ANIMALS IN THE WORLD

(Thời gian: 5 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phân biệt so sánh hơn và so sánh nhất của tính từ; cách đọc từ vựng chứa âm cuối “*mp, nt, nd*”.

2. Phát triển kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết động vật nhanh nhất trên thế giới.

3. Nâng cao ý thức sử dụng tiếng Anh trong lớp học và giao tiếp hàng ngày.

II. NỘI DUNG

1. Grammar

2. Phonics

3. Skills

UNIT 10: IN THE PARK!

(Thời gian: 6 giờ)

I. MỤC TIÊU

1. Phân biệt “*must/ mustn ’t*” diễn tả sự bắt buộc và cảm đoán; cách phát âm “*a*” dài.
2. Phát triển 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.
3. Có ý thức khi làm việc nhóm, nghiêm túc, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm với các thành viên khi làm việc nhóm.

II. NỘI DUNG

1. Grammar
2. Phonics
3. Skills

UNIT 11: IN THE MUSEUM**(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Mô tả thì quá khứ đơn thể khẳng định và phủ định; trạng từ chỉ thời gian ở quá khứ; cách sử dụng “*lost, some, any*”; cách đọc từ vựng chứa âm e dài “*e*”.
2. Sử dụng kiến thức đã học để nói về chủ đề ở viện bảo tàng.
3. Nâng cao ý thức sử dụng tiếng Anh trong lớp học và giao tiếp hàng ngày.

II. NỘI DUNG

1. Grammar
2. Phonics
3. Skills

UNIT 12: A CLEVER BABY!**(Thời gian: 5 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Mô tả thì quá khứ đơn với động từ *tobe* và *have*; cách đọc từ vựng chứa âm i dài “*i*”.
2. Phát triển 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.
3. Có ý thức khi làm việc nhóm, nghiêm túc, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm với các thành viên khi làm việc nhóm.

II. NỘI DUNG

1. Grammar

2. Phonics**3. Skills****UNIT 13: THE ANCIENT EGYPTIANS****(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê thì quá khứ đơn động từ hợp quy tắc; cách đọc từ vựng chứa âm o dài “o”.
2. Phát triển 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết về chủ đề Ai Cập cổ đại.
3. Tích cực học hỏi, sáng tạo, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. NỘI DUNG**1. Grammar****2. Phonics****3. Skills****UNIT 14: DID YOU HAVE A GOOD DAY?****(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê thì quá khứ đơn câu hỏi, từ để hỏi; cách đọc từ vựng chứa âm u dài “u”.
2. Phát triển 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.
3. Có ý thức khi làm việc nhóm, nghiêm túc, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm với các thành viên khi làm việc nhóm.

II. NỘI DUNG**1. Grammar****2. Phonics****3. Skills****UNIT 15: OUR HOLIDAY!****(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Phân tích cấu trúc “*be going to + V*”; cách đọc từ vựng chứa âm oo “oo”.
2. Sử dụng kiến thức đã học để nói về chủ đề trong bài học.

3. Nâng cao ý thức sử dụng tiếng Anh trong lớp học và giao tiếp hàng ngày.

II. NỘI DUNG

1. Grammar

2. Phonics

3. Skills

F. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ HOÀN THÀNH KHOÁ BỒI DƯỠNG

I. Điều kiện thực hiện chương trình

1. Phòng học, phòng thực hành: Người học được học trong lớp hoặc phòng thực hành tiếng.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, projector, loa.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu tham khảo

II. Điều kiện hoàn thành khoá bồi dưỡng

Sau khi người học hoàn thành nội dung trong chương trình Tiếng Anh bậc A1 và có bài kiểm tra kết thúc khóa bồi dưỡng đạt yêu cầu sẽ được xét hoàn thành khóa học và được cấp “Giấy chứng nhận” hoàn thành khóa học theo quy định hiện hành.

G. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ TRONG CHƯƠNG TRÌNH

I. Kiểm tra trong quá trình đào tạo

- Kiểm tra đầu khóa học: Khi bắt đầu khóa học, nhà giáo thực hiện kiểm tra, đánh giá về 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết đối với người học để tiến hành xếp lớp phù hợp với nội dung, phương pháp giảng dạy. Nội dung, phương pháp kiểm tra do nhà giáo trực tiếp giảng dạy lựa chọn, quyết định.

- Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ: do nhà giáo thực hiện trong quá trình giảng dạy. Số bài kiểm tra, nội dung, hình thức, thời gian kiểm tra do nhà giáo quyết định, nhưng ít nhất phải có 1 bài kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ; thời gian kiểm tra được bố trí trong thời gian thực hành của chương trình.

Bài kiểm tra được đánh giá theo thang điểm 10, đạt yêu cầu từ 5,0 điểm trở lên. Mục đích kiểm tra trong quá trình đào tạo để giáo viên điều chỉnh phương pháp dạy học cho phù hợp với đối tượng.

II. Kiểm tra kết thúc khoá bồi dưỡng

1. Phương pháp, thang điểm đánh giá

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đòi hỏi phải được thực hiện một cách nghiêm túc. Chỉ đánh giá và xét kết quả học tập đối với những người học có mặt và tham dự 80% các giờ học lý thuyết, 100% các giờ thảo luận, thực hành và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao.

Bài kiểm tra cuối khóa đánh giá theo thang điểm 10. Người học có bài kiểm tra cuối khóa phải đạt từ 5,0 điểm trở lên; người học có bài kiểm tra cuối khóa không đạt được từ điểm 5,0 trở lên thì phải tự ôn tập nội dung kiến thức và thực hành đã học để dự kiểm tra lại. Số lần kiểm tra lại tối đa là 2 lần. Nếu kiểm tra lại lần thứ hai vẫn không đạt yêu cầu, thì phải học lại (nếu người học có nhu cầu).

Kiểm tra kết thúc khóa bồi dưỡng gồm 3 bài thi:

- Reading & Writing: 30 phút (6 phần: 35 câu (50% trên thang điểm 100)).
- Listening: 25 phút (5 phần: 25 câu) (25% trên thang điểm 100).
- Speaking (vấn đáp): 5-7 phút/HV (4 phần) (25% trên thang điểm 100).

Thời gian kiểm tra kết thúc khoá bồi dưỡng không nằm trong thời gian đào tạo.

2. Nội dung đánh giá

2.1. Kiến thức

Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm và tự luận, vấn đáp, học viên cần đạt các yêu cầu sau:

- Vận dụng vốn từ vựng, câu và cấu trúc thông dụng được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như đồ dùng học tập, các hoạt động ngoài trời, các hoạt động sau giờ học, thời tiết, thời gian...) để làm bài thi;

- Sử dụng các điểm ngữ pháp thường gặp trong bài thi;
- Nhận diện cấu trúc đề thi theo format mới.

2.2. Kỹ năng

- Nghe hiểu các thuật ngữ và từ vựng quen thuộc có liên quan đến các chủ đề (như đồ dùng học tập, các hoạt động ngoài trời, các hoạt động sau giờ học, thời tiết, thời gian...)

- Vận dụng các câu hoặc các cấu trúc để miêu tả theo cách đơn giản về các chủ đề có trong bài học.

- Giao tiếp trong các tình huống đơn giản và quen thuộc;

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức trong học tập, có năng lực tự học và tự tin trong giao tiếp;
- Nghiêm túc, sáng tạo, chịu khó học hỏi;
- Có phương pháp học tập tích cực và trau dồi kiến thức;
- Ý thức được tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực Tiếng Anh toàn diện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết;
- Điều chỉnh hành vi và thái độ trong giao tiếp với mọi người, có tinh thần trách nhiệm với các thành viên khi làm việc theo nhóm;

H. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. Phạm vi áp dụng chương trình

Chương trình Tiếng Anh bậc A1 được sử dụng để giảng dạy cho học sinh tiểu học từ lớp 2 đến lớp 5.

II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập

1. Đối với nhà giáo

Môn học này hỗ trợ nhằm rèn luyện cho người học các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, đồng thời cũng rèn luyện cho học viên sự tự tin khi giao tiếp, khi thuyết trình trước nhiều người. Đây là môn học gắn liền với thực hành kỹ năng ngôn ngữ nên nhà giáo cần áp dụng phương pháp giao tiếp vào trong giảng dạy nhằm gây được hứng thú cho người học, làm cho người học chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức nhằm đạt được mục tiêu của môn học. Trong quá trình dạy học cần kết hợp lý thuyết với thực hành nhằm giúp người học kỹ năng làm việc theo từng cặp, theo từng nhóm để người học có thể tự giải quyết các tình huống trong công việc và trong cuộc sống hàng ngày.

2. Đối với người học

- Người học phải chuẩn bị bài và hoàn thành các nhiệm vụ được nhà giáo giao về nhà trước khi đến lớp; tham khảo tài liệu giáo viên cung cấp (4, 5).
- Tích cực tham gia các hoạt động được nhà giáo tổ chức trong lớp học để rèn luyện các kỹ năng và nâng cao năng lực ngôn ngữ.

III. Những trọng tâm cần chú ý

Chương trình Tiếng Anh bậc A1 chú trọng phát triển năng lực ngôn ngữ toàn diện cho người học nên cần quan tâm đến các hoạt động tích hợp để phát triển kỹ năng giao tiếp.

I. CÁC CHÚ Ý KHÁC

Sau khi kết thúc khoá học này người học có thể tiếp tục học tiếp khoá học ôn thi chứng chỉ Cambridge Starters.

J. TÀI LIỆU CẦN THAM KHẢO

1. Simmons N. Family and Friends 1 (2nd Ed). Oxford: Oxford University Press; 2014.
2. Simmons N. Family and Friends 2 (2nd Ed). Oxford: Oxford University Press; 2014.
3. Simmons N. Family and Friends 3 (2nd Ed). Oxford: Oxford University Press; 2014.
4. Nakata, Frazier, Hoskins, Graham. Let's go 1,2,3,4 (4th ed). Oxford: Oxford University Press; 2012.
5. Rosemary Aravanis, Boyd E. Practice Test A1 Movers Plus. York: Pearson; 2018.

HIỆU TRƯỞNG



The image shows a red circular official stamp. The text inside the stamp, from top to bottom, reads: "DÂN TỈNH", "TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM", and "ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM". A blue ink signature is written over the stamp.

Lê Trí Khải